

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CL
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 01/2022/QĐST-VDS

Tp. CL, ngày 17 tháng 02 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu xác định phân chia tài sản chung của hộ để thi hành án

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CL

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Cẩm Trinh.

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Ngọc Hà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố CL tham gia phiên họp: Bà Lê Thị Bích Thuyền - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15/02/2022 và 17/02/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố CL mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 22/2021/TLST-VDS, ngày 22/10/2021 về việc “*Yêu cầu xác định phân chia tài sản chung của hộ để thi hành án*” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2022/QĐST-VDS ngày 10/01/2022, gồm những người tham gia tố tụng Su đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Trần Trung D, sinh năm 1955;
2. Bà Võ Thị Kim S, sinh năm 1958;
3. Anh Trần Thanh L, sinh năm 1976;
4. Anh Trần Đình T, sinh năm 1980;
5. Chị Trần Thị Trúc G, sinh năm 1982;

Cùng địa chỉ: Số nhà X, tổ A, Khóm K, Phường L, thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Trần Đình T: Ông Trần Hà Xuân P, sinh năm 1976. Địa chỉ: Số A, Quốc lộ C, Phường M, thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chi Cục thi hành án Dân sự thành phố CL.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn D – Chức vụ: Chi cục Trưởng.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Văn D: Ông Nguyễn Trọng T – Chức vụ: Phó Chi cục Trưởng.

Cùng địa chỉ: Số K, đường N, Phường P, thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp.

2. Công ty TNHH bán đấu giá tài sản Đ.
Địa chỉ: Số nhà A, Quốc lộ P, khu dân cư N, Phường M, thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp.
3. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1950.
Địa chỉ: Tổ A, Khóm K, Phường B, thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp
4. Bà Huỳnh Thị Ánh C, sinh năm 1979.
5. Ông Trần Huỳnh Thanh P, sinh năm 2001;
Cùng địa chỉ: Khóm Bình Khánh, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.
Cùng địa chỉ liên lạc: Số nhà X, tổ A, Khóm K, Phường L, thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp.
6. Ngân hàng TMCP SG(S).
Địa chỉ: Số I, đường N, phường V, Quận T, thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng: Bà Nguyễn Đức Thạch Diễm – Chức vụ: Tổng giám đốc.
Địa chỉ: Số Q, Phường E, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Đức Thạch Diễm: Ông Lưu Văn H – Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Đồng Tháp.
Người đại diện theo ủy quyền của ông Lưu Văn H: Ông Bùi Trung T, sinh năm 1979. Chức vụ: Trưởng phòng kiểm soát rủi ro – Chi nhánh tỉnh Đồng Tháp.
Cùng địa chỉ: Số K, đường N, Phường P, thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp.
7. Trần Thanh V, sinh năm 1978.
Địa chỉ: Phường A, Quận L, thành phố Hồ Chí Minh.
Địa chỉ liên lạc: Số nhà X, tổ A, Khóm K, Phường L, thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Anh Trần Đình T trình bày: Ngày 04/6/2020, anh Trần Đình T có nhận được Thông báo số 528/TB-CCTHA ngày 15/10/2010 của Chi Cục thi hành án Dân sự thành phố CL về việc kê biên tài sản thuộc sở hữu của gia đình anh T. Nội dung Thông báo có nêu: Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thông báo hợp lệ nếu không khởi kiện yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung với ông D và bà S thì Chi Cục thi hành án Dân sự thành phố CL sẽ kê biên tài sản để đảm bảo việc thi hành án đối với tài sản chung hộ là: Diện tích đất ở đô thị và đất lúa 1.914,8m² thuộc thửa 281, 1045, tờ bản đồ số 08 và số 02; 01 căn nhà cấp 4 xây dựng trên đất. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Trần Trung D ngày 11/9/1996 và cấp đổi ngày 30/7/2003.

Thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hộ ông Trần Trung D năm 1996, trong hộ gồm có các thành viên như Su: Ông Trần Trung D, bà Võ Thị Kim S, anh Trần Thanh L, anh Trần Đình T, chị Trần Thị Trúc G.

Nay anh T yêu cầu chia tài sản chung trong hộ đối với tài sản nêu trên, anh T nhận 1/6 và yêu cầu nhận tài sản, trị giá tài sản là 1.600.000.000 đồng.

Tại phiên họp, anh Trần Hà Xuân P đại diện theo ủy quyền của anh Trần Đình T yêu cầu chia tài sản chung trong hộ đối với tài sản nêu trên, anh T nhận 1/5 và yêu cầu nhận tài sản.

Ông Trần Trung D, bà Võ Thị Kim S, anh Trần Thanh L, chị Trần Thị Trúc G trình bày: Theo thông báo thụ lý số 12/2021/TLST-VDS ngày 23/3/2021 về việc xác định phân chia tài sản chung của hộ để thi hành án của Tòa án nhân dân thành phố CL. Nay ông D, bà S, anh L, chị G yêu cầu chia tài sản chung của hộ gồm tài sản là diện tích đất ở đô thị và đất lúa 1.914,8m², thuộc thửa 281, 1045 tờ bản đồ số 08 và số 02. Trên đất có căn nhà cấp 4 xây dựng trên phần đất này (đất được cấp quyền sử dụng đất lần đầu vào ngày 11/9/1996 và cấp đổi ngày 30/7/2003. Thời điểm cấp quyền sử dụng đất cho hộ ông D, gồm các thành viên Su: Ông Trần Trung D, bà Võ Thị Kim S, anh Trần Thanh L, anh Trần Đình T, chị Trần Thị Trúc G.

Nay ông Trần Trung D, bà Võ Thị Kim S, anh Trần Thanh L, chị Trần Thị Trúc G yêu cầu phân chia tài sản chung trong hộ đối với tài sản trên trị giá 1.600.000.000 đồng theo 05 phần cho mỗi người 01 phần.

Ông Nguyễn Trọng T đại diện Chi Cục thi hành án Dân sự thành phố CL trình bày: Ngày 15/10/2010, Chấp hành viên - Chi Cục thi hành án Dân sự thành phố CL ban hành Thông báo số 528/TB-CCTHA về việc kê biên tài sản thuộc sở hữu chung của hộ gia đình. Ngày 18/10/2010, chấp hành viên tổng đạt thông báo cho đương sự nhưng do không thực hiện được thông báo trực tiếp nên niêm yết công khai ngày 18/10/2010. Su đó, Chi Cục thi hành án Dân sự thành phố CL tiến hành thủ tục kê biên và bán đấu giá tài sản để thi hành án. Trong các ngày 18/11/2011, ngày 13/02/2012, ngày 07/3/2013, Chi Cục thi hành án Dân sự thành phố CL ủy quyền cho Công ty TNHH bán đấu giá tài sản Đ thực hiện việc bán đấu giá tài sản là phần đất diện tích đất ở đô thị 174,9m², thuộc thửa 281, tờ bản đồ số 02 và tài sản gắn liền thửa đất. Ngày 22/4/2013, Công ty TNHH bán đấu giá tài sản Đ tiến hành bán đấu giá công khai và ông Nguyễn Văn T là người mau trúng đấu giá tài sản trên. Khi hai bên tiến hành thỏa thuận giao tài sản đấu giá thì các con của ông D và bà S là anh Trần Thanh L, anh Trần Đình T, chị Trần Thị Trúc G có đơn khiếu nại nhiều lần nên Chi Cục thi hành án Dân sự thành phố CL tạm đình chỉ thi hành án ngày 08/8/2013 và sự việc kéo dài đến nay. Năm 2020, anh T có làm đơn yêu cầu nhận Thông báo số 528/TB-CCTHA ngày 15/10/2010 nêu trên, bà S là người trực tiếp ký nhận thay cho anh T. Nay Chi Cục thi hành án Dân sự thành phố CL không có ý kiến gì về nội dung yêu cầu của ông Trần Trung D, bà Võ Thị Kim S, anh Trần Thanh L, anh Trần Đình T và chị Trần Thị Trúc G. Chi Cục thi hành án Dân sự thành phố CL yêu cầu tiếp tục thực hiện việc kê biên tài sản của ông D và bà S để đảm bảo thi hành án cho Ngân hàng theo quyết định có hiệu lực của Tòa án nhân dân thành phố CL.

Ông Bùi Trung T đại diện Ngân hàng TMCP SG(S) trình bày: Năm 2008, ông D và bà S vay tiền tại Ngân hàng TMCP Phương Nam (nay là Ngân hàng TMCP Sài Gòn thương tín) số tiền vốn 150.000.000 đồng và thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa thuộc thửa 281, tờ bản đồ số 02 và thửa 1045, tờ bản đồ số 08, đất tọa lạc tại Phường 6, thành phố CL. Quá trình vay tiền, ông D và bà S không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện. Ngày 19/8/2010, Tòa án nhân dân thành phố CL ban hành quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự (số 135/2010/QĐST-DS ngày 19/8/2010), theo đó ông D và bà S đồng ý liên đới trả cho Ngân hàng số tiền vốn là 150.000.000 đồng và tiền lãi là 15.618.750 đồng. Su khi quyết định có hiệu lực, ông D và bà S không tự nguyện thi hành án nên Chi Cục thi hành án Dân sự thành phố CL tiến hành thủ tục kê biên và bán đấu giá tài sản để thi hành án và sự việc kéo dài đến nay. Nay Ngân hàng yêu cầu nhận tiền vốn và lãi theo quyết định của Tòa án, Ngân hàng đồng ý trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông D khi gia đình ông D thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

Công ty TNHH bán đấu giá tài sản Đ có văn bản ý kiến trình bày: Công ty TNHH bán đấu giá tài sản Đ không liên quan đến vụ việc nên đề nghị được vắng mặt tại các phiên họp.

Bà Trần Thị Ánh C, Trần Thanh V, ông Trần Huỳnh Thanh P, ông Nguyễn Văn T trình bày: Bà Trần Thị Ánh C, Trần Thanh V, ông Trần Huỳnh Thanh P, ông Nguyễn Văn T không có ý kiến về nội dung yêu cầu của ông Trần Trung D, bà Võ Thị Kim S, anh Trần Thanh L, anh Trần Đình T, chị Trần Thị Trúc G và vắng mặt tại Tòa án trong quá trình giải quyết đơn yêu cầu của những người yêu cầu.

Tại phiên họp, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố CL phát biểu: Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố CL chấp nhận một phần yêu cầu của ông Trần Trung D, bà Võ Thị Kim S, anh Trần Thanh L, anh Trần Đình T, chị Trần Thị Trúc G về việc xác định phân chia quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà trong khối tài sản chung của hộ gồm: Diện tích 174,9m² thửa 281, tờ bản đồ số 02 (diện tích đo đạc thực tế 174,2m²) và căn nhà cấp 4 diện tích 85,92m² gắn liền với đất; diện tích 1.739,9m², thửa 1045, tờ bản đồ số 8 (diện tích đo đạc thực tế 1.735,4m²).

Ông Trần Trung D, bà Võ Thị Kim S, anh Trần Thanh L, anh Trần Đình T, chị Trần Thị Trúc G mỗi người có quyền sử dụng 1/6 diện tích đất thửa 281, tờ bản đồ số 02 và thửa đất số 1045, tờ bản đồ số 8. Ông Trần Trung D, bà Võ Thị Kim S mỗi người có quyền sở hữu 1/2 căn nhà cấp 4 gắn liền với thửa đất số 281, tờ bản đồ số 02.

Lệ phí và chi phí tố tụng: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

- Những yêu cầu, đề xuất, kiến nghị khắc phục vi phạm: Đối với Công ty TNHH bán đấu giá tài sản Đ, Tòa án đưa vào tham gia tố tụng là không cần thiết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Su khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố CL nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn yêu cầu của ông Trần Trung D, bà Võ Thị Kim S, anh Trần Thanh L, anh Trần Đình T, chị Trần Thị Trúc G và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ việc dân sự “*Yêu cầu xác định phân chia tài sản chung của hộ để thi hành án*” và căn cứ khoản 9 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự thể hiện việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố CL.

Năm 2010, Chấp hành viên - Chi Cục thi hành án Dân sự thành phố CL Thông báo số 528/TB-CCTHA, ngày 15/10/2010 về việc kê biên tài sản thuộc sở hữu chung của hộ gia đình để thi hành án và có niêm yết tại nhà của ông D và bà S. Thời điểm này, ông D bị bệnh tai biến điều trị tại thành phố Hồ Chí Minh, cả gia đình nuôi và chăm sóc ông D nên không biết việc thông báo của cơ quan Thi hành án. Đến khi gia đình ông D trở về, anh Trần Thanh L, anh Trần Đình T, chị Trần Thị Trúc G biết được tài sản chung của hộ đã bán đấu giá cho ông T nên khiếu nại nhiều lần, ở nhiều nơi khác nhau. Su đó, các đồng sở hữu tài sản chung trong hộ ông D, bà S khởi kiện yêu cầu hủy kết quả bán đấu giá, được Tòa án nhân dân thành phố CL giải quyết bằng bản án số 67/2019/DS-ST ngày 27/9/2019. Ngày 20/5/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành bản án số 87a/2020/DS-PT ngày 20/5/2020, hủy bản án dân sự sơ thẩm đình chỉ giải quyết vụ án do Tòa án cấp sơ thẩm xác định Sĩ quan hệ pháp luật tranh chấp dẫn đến gây thiệt hại quyền lợi của người mua trúng tài sản đấu giá; các thành viên hộ ông D, bà S chỉ có quyền yêu cầu Tòa án xác định phần tài sản của họ trong khối tài sản chung của hộ. Năm 2021, ông Trần Trung D, bà Võ Thị Kim S, anh Trần Thanh L, anh Trần Đình T, chị Trần Thị Trúc G yêu cầu xác định phân chia tài sản chung của hộ để thi hành án tại Tòa án nhân dân thành phố CL là phù hợp thực tế khách quan nên chấp nhận.

[2] Xét yêu cầu của ông Trần Trung D, bà Võ Thị Kim S, anh Trần Thanh L, anh Trần Đình T, chị Trần Thị Trúc G về việc yêu cầu “*Yêu cầu xác định quyền sử dụng, quyền sở hữu tài sản để thi hành án*” đối với phần đất diện tích 1.914,8m², thuộc thửa 281, 1045 tờ bản đồ số 08 và số 02. Trên đất có căn nhà cấp 4 xây dựng trên phần đất này (đất được cấp quyền sử dụng đất lần đầu vào ngày 11/9/1996 và cấp đổi ngày 30/7/2003).

Nguồn gốc phần đất các đương sự yêu cầu là của cha mẹ ông D cho năm 1976. Năm 1994, ông Trần Trung D kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 11/9/1996 gồm hai thửa 1989 diện tích 188m² và thửa 1841 diện tích 1.500m² cùng tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại Phường 6, thị xã CL. Năm 2001, ông D tiến hành thủ tục đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ngày 30/7/2003 Ủy ban nhân dân thị xã CL (nay là thành phố CL) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Trần Trung D gồm hai thửa 281, tờ bản đồ

số 02, diện tích 174,9m² và thửa 1045, tờ bản đồ số 8, diện tích 1.739,9m², tọa lạc tại Phường 6, thành phố CL.

Thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu là cấp cho ông Trần Trung D nhưng trong hồ sơ kê khai ghi tên vợ là bà Võ Thị Kim S, điều này chứng minh ông D đã tự xác định đây là tài sản chung của vợ chồng, không phải tài sản cá nhân ông. Đến khi ông D làm thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng và ghi vào hồ sơ là hộ ông Trần Trung D, như vậy một lần nữa ông D đã tự xác định đây là tài sản chung của hộ. Do đó, xác định hai thửa 281, tờ bản đồ số 02, diện tích 174,9m² và thửa 1045, tờ bản đồ số 8, diện tích 1.739,9m², tọa lạc tại Phường 6, thành phố CL là tài sản chung của hộ ông Trần Trung D.

Căn cứ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 30/7/2003 của Ủy ban nhân dân thị xã CL (nay là thành phố CL) cấp cho hộ ông Trần Trung D tại thửa 281, tờ bản đồ số 2, diện tích 174,9m² (đo đạc thực tế là 174,2m²) và thửa 1045, tờ bản đồ số 8, diện tích 1.739,9m² (đo đạc thực tế là 1.735,4m²).

Theo biên bản xác minh điều kiện thi hành án ngày 29/02/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố CL (BL237) thể hiện: “Hộ ông Trần Trung D gồm có:

- 1/ Ông Trần Trung D, sinh năm 1955, chủ hộ;
- 2/ Bà Võ Thị Kim S, sinh năm 1958, vợ;
- 3/ Anh Trần Thanh L, sinh năm 1976, con;
- 4/ Anh Trần Đình T, sinh năm 1980, con;
- 5/ Chị Trần Thị Trúc G, sinh năm 1980, con;
- 6/ Bà Huỳnh Thị Ánh C, sinh năm 1979, dâu; đã chuyển đi từ ngày 04/5/2012, trước đây ở cần Thơ.
- 7/ Trần Huỳnh Thanh P, sinh năm 2001, cháu. Hiện sổ hộ sơ P6: 00579 Q:07, tờ 38. Ngoài ra, không còn người nào nữa trong sổ hộ khẩu đến thời điểm xác minh”.

Theo công văn số 181/CATP-QLHC ngày 17/3/2016 của Công an thành phố CL cung cấp thông tin hộ ông Trần Trung D gồm có:

“Hộ ông Trần Trung D cấp vào năm 1995.

Đến ngày 10/10/2000, chuyển hộ khẩu Trần Thanh V, sinh năm 1978 đến Phường 4, Quận 8, thành phố Hồ Chí Minh.

Đến ngày 17/12/2002, nhập thường trú diện khai sinh Trần Huỳnh Thanh P, sinh năm 2001.

Đến ngày 01/7/2002, nhập thường trú theo chồng Huỳnh Thị Ánh C, sinh năm 1979 và đến ngày 04/5/2012 chuyển hộ khẩu thường trú Huỳnh Thị Ánh C, sinh năm 1979 đến Bình Khánh, Phước Thới, Ô Môn, TP. Cần Thơ”

Theo Công văn 09/CV-CAP ngày 16/02/2022 của Công an Phường 6, thành phố CL xác nhận: “Sổ nhân khẩu trong hộ và mối quan hệ của ông Trần

Trung D, sinh năm 1955. Hộ khẩu thường trú: Số nhà X, tổ A, Khóm K, Phường L, thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp, từ năm 1996 đến năm 2003 gồm có:

- 1/ Ông Trần Trung D, sinh năm 1955 (chủ hộ);
- 2/ Bà Võ Thị Kim S, sinh năm 1958 (vợ);
- 3/ Anh Trần Thanh L, sinh năm 1976 (con đẻ);
- 4/ Anh Trần Đình T, sinh năm 1980 (con đẻ);
- 5/ Chị Trần Thị Trúc G, sinh năm 1982 (con đẻ)”.

Từ các xác minh hộ khẩu nêu trên xác định thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 30/7/2003 hộ ông Trần Trung D có 05 thành viên gồm: ông Trần Trung D, bà Võ Thị Kim S, anh Trần Thanh L, anh Trần Đình T, chị Trần Thị Trúc G.

Khoản 29 Điều 3 của Luật đất đai quy định: “*Hộ gia đình sử dụng đất là những người có quan hệ hôn nhân, huyết thống, nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình, đang sống chung và có quyền sử dụng đất chung tại thời điểm được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất; nhận chuyển quyền sử dụng đất*”. Theo quy định này thì những thành viên trong hộ gia đình được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất đều có quyền sử dụng như nhau. Do đó, ông Trần Trung D, bà Võ Thị Kim S, anh Trần Thanh L, anh Trần Đình T, chị Trần Thị Trúc G mỗi người có quyền sử dụng là 1/5 diện tích đất nêu trên, tương ứng với diện tích là 34,84m² đất ở đô thị thuộc thửa 218, tờ bản đồ số 02 và diện 347,08m² đất trồng lúa thuộc thửa 1045, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại Phường 6, thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp nên yêu cầu của ông Trần Trung D, bà Võ Thị Kim S, anh Trần Thanh L, anh Trần Đình T, chị Trần Thị Trúc G thành phố CL là có căn cứ nên chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu của ông Trần Trung D, bà Võ Thị Kim S, anh Trần Thanh L, anh Trần Đình T, chị Trần Thị Trúc G về việc yêu cầu “*Yêu cầu xác định quyền sử dụng, quyền sở hữu tài sản để thi hành án*” đối với căn nhà gắn liền trên đất tại thửa số 218, tờ bản đồ số 02, được Ủy ban nhân dân thị xã CL (nay là thành phố CL) cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà số 62 ngày 10/6/2002 cho ông Trần Trung D, sinh năm 1955 và bà Võ Thị Kim S, sinh năm 1958; các thành viên trong hộ cho rằng đây là tài sản chung trong hộ trong đó có anh L, anh T và chị G nhưng không có chứng cứ chứng minh về công sức đóng góp và xây dựng. Do đó xác định căn nhà thuộc quyền sở hữu của ông D và bà S.

[4] Chi phí xem xét, thẩm định và định giá tổng cộng là 6.022.000 đồng, bà Võ Thị Kim S, anh Trần Đình T tự nguyện chịu, anh T và bà S tạm ứng và chi xong.

[5] Lệ phí giải quyết việc Dân sự: Ông Trần Trung D, bà Võ Thị Kim S, anh Trần Thanh L, anh Trần Đình T, chị Trần Thị Trúc G phải chịu lệ phí giải quyết việc Dân sự theo quy định tại khoản 1 Điều 36 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuy nhiên, ông Trần Trung D và bà Võ Thị Kim S là người cao tuổi có đơn

đề nghị miễn nộp tiền lệ phí nên được miễn nộp tiền lệ phí giải quyết việc Dân sự theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố CL là có một phần căn cứ như đã phân tích trên nên chấp nhận một phần đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố CL.

Đối với đề xuất, kiến nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố CL về việc không đưa Công ty TNHH bán đấu giá tài sản Đ vào tham gia tổ tụng, Tòa án nhân dân thành phố CL xét thấy, phần đất và nhà tại thửa 218, tờ bản đồ số 02 các đương sự đang yêu cầu xác định phân chia tài sản chung của hộ để thi hành án, hiện nay Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố CL đã ủy quyền cho Công ty TNHH bán đấu giá tài sản Đ bán đấu giá cho ông Nguyễn Văn T nên Công ty TNHH bán đấu giá tài sản Đ tham gia tổ tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp với quy định pháp luật, không chấp nhận đề xuất, kiến nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố CL.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 9 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 208, Điều 212 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 74 của Luật thi hành án dân sự; khoản 29 Điều 3 của Luật đất đai; đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 36 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Trần Trung D, bà Võ Thị Kim S, anh Trần Thanh L, anh Trần Đình T, chị Trần Thị Trúc G về việc yêu cầu xác định phân chia quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà đối với phần đất tại thửa 281, tờ bản đồ số 2, diện tích 174,9m² (đo đạc thực tế là 174,2m²) và căn nhà cấp 4 diện tích 85,92m² gắn liền với đất; phần đất tại thửa 1045, tờ bản đồ số 8, diện tích 1.739,9m² (đo đạc thực tế là 1.735,4m²).

Xác định ông Trần Trung D, bà Võ Thị Kim S, anh Trần Thanh L, anh Trần Đình T, chị Trần Thị Trúc G mỗi người được quyền sử dụng là 1/5 diện tích đất nêu trên, tương ứng với diện tích là 34,84m² đất ở đô thị, thuộc thửa 281, tờ bản đồ số 02 và diện tích 347,08m² đất trồng lúa thuộc thửa 1045, tờ bản đồ số 8, đất tọa lạc tại Phường 6, thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp.

Xác định ông Trần Trung D, bà Võ Thị Kim S mỗi người được quyền sở hữu ½ căn nhà cấp 4 diện tích 85,92m² gắn liền với thửa đất số 218, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại Phường 6, thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp.

Chi phí xem xét, thẩm định và định giá tổng cộng là 6.022.000 đồng, bà Võ Thị Kim S, anh Trần Đình T tự nguyện chịu, anh T và bà S tạm ứng và chi xong.

Lệ phí Tòa án: Ông Trần Trung D và bà Võ Thị Kim S được miễn nộp tiền lệ phí giải quyết việc dân sự.

Anh Trần Đình T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) lệ phí việc dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007781 ngày 18/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp. Như vậy, anh T đã nộp xong lệ phí Tòa án sơ thẩm.

Anh Trần Thanh L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) lệ phí việc dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004798 ngày 22/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp. Như vậy, anh L đã nộp xong lệ phí Tòa án sơ thẩm.

Chị Trần Thị Trúc G phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) lệ phí việc dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004797 ngày 22/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp. Như vậy, chị G đã nộp xong lệ phí Tòa án sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị Quyết định giải quyết việc dân sự sơ thẩm trong thời hạn 10 ngày ban hành Quyết định; các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Quyết định giải quyết việc dân sự sơ thẩm trong thời hạn 10 ngày niêm yết hoặc nhận được Quyết định.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Chi cục THADS TPCL;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

Nguyễn Thị Cẩm Trinh